

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 12 -2021

V/v “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Lê Đình Sanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn:** Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 282/2021/HNGĐ - ST ngày 13 tháng 10 năm 2021 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 và thông báo về việc thay đổi ngày xét xử giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp T, xã Thanh A, huyện D, tỉnh Bình Dương

**- Bị đơn:** Anh Bàn Văn X, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 3, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, cũng như đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày: Vợ chồng anh, chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, sinh được 02 người con chung. Mãi đến ngày 19/6/2010 vợ chồng anh, chị mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống với nhau anh, chị hạnh phúc được gần 8 năm. Năm 2011 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do Anh Bàn Văn X liên tục cờ bạc, ham chơi không quan tâm đến vợ con. Chị L đã khuyên ngăn nhưng anh X vẫn không thay đổi. Tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, chị L đã đưa 02 con vào Bình Dương để ở, còn anh X ở tại xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa không ai còn quan tâm đến ai.

Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án huyện Triệu Sơn giải quyết cho chị được ly hôn anh Bàn Văn X.

*Về phần con chung:* Vợ chồng anh, chị có 02 con chung với nhau, tên các cháu Bàn Văn M, sinh ngày 10/05/2004 và cháu Bàn Văn H, sinh ngày 11/3/2007. Từ khi ly thân 2 cháu ở cùng chị L. Ly hôn, nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi 2 cháu M và cháu H, không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện tại chị L đang làm công nhân tại công ty YOUQING tỉnh Bình Dương, thu nhập bình quân hàng tháng là 8.000.000đ. Chị xét thấy đủ điều kiện về kinh tế và sức khỏe để nuôi con.

*Về tài sản và phần nợ:* Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Bàn Văn X trình bày vợ chồng đăng ký kết hôn, chung sống với nhau như chị L trình bày là hoàn toàn đúng. Đến năm 2011 vợ chồng anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh X cũng không còn tình cảm với chị L, nên anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

*Về con chung:* Anh X trình bày vợ chồng anh, chị có 02 người con. Các cháu Bàn Văn M, sinh ngày 10/05/2004 và cháu Bàn Văn H, sinh ngày 11/3/2007 đang ở cùng chị L ở tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến nay. Ly hôn anh có nguyện vọng giao cả 02 cháu cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

*Về tài sản và phần nợ:* Anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự; Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Bàn văn X; Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Bàn Văn M và cháu Bàn Văn H, anh X không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị L. Về tài sản và nợ chung anh, chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1].*Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L và anh Bàn Văn X chung sống như vợ chồng từ năm 2003 và đăng ký kết hôn ngày 19/6/2010 tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 65/2010. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh, chị chưa thực sự yêu thương, chia sẻ với nhau. Mâu thuẫn này là nguyên nhân của va chạm khác, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Chị L và anh X đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Bàn Văn X ly hôn.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung với nhau. Hiện tại các cháu Bàn Văn M, sinh ngày 10/05/2004 và cháu Bàn Văn H, sinh ngày 11/3/2007 đang ở cùng chị L ở tỉnh Bình Dương từ năm 2011 đến nay. Ly hôn chị L và anh X đều có nguyện vọng giao cả 02 cháu cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Mong muốn của anh X, chị L cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M và cháu H. Anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Vì vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 21/10/2021 Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và điều kiện nuôi con của chị L và anh X. Tại buổi xác minh UBND xã D cho biết anh X và chị L trước đây đều trú tại xã D, hiện tại chị L không có mặt tại địa phương, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh X, chị L dẫn đến ly hôn UBND xã không nắm được. Anh X hiện đang sinh sống tại xã D, là lao động tự do, nghề nghiệp chị L làm gì, thu nhập bình quân hằng tháng của anh X, chị L bao nhiêu UBND xã không biết được. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét về nguyện vọng nuôi con của chị L thì thấy cháu H và cháu M đang ở cùng chị L từ năm 2011 đến nay, hiện nay các cháu đang học tại trường THCS T, huyện D, tỉnh Bình Dương, các cháu đều có nguyện vọng xin được ở cùng chị L, mặt khác chị L đi làm công nhân có mức lương ổn định, anh X cũng đồng ý giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định, phát triển tâm sinh lý của cháu H và cháu M, Hội đồng xét xử tiếp tục giao 02 cháu cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

*Về hôn nhân:* Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L. Xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Bàn Văn X được ly hôn.

*Về con chung:* Giao 02 cháu Bàn Văn M, sinh ngày 10/05/2004 và cháu Bàn Văn H, sinh ngày 11/3/2007 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Anh X được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con, chị L không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của các cháu bé, thì anh X có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

*Về tài sản:* Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*Về án phí:* Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2021/0006293 ngày 13 tháng 11 năm 2021 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn, chị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

*Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn. Anh Bàn Văn X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

### **Nơi nhận:**

- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND xã D
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thủy**



